

NỢ XẤU CỦA HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Ths. Nguyễn Hữu Khoa*

Trong những năm qua, các tổ chức tín dụng Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ và về quy mô lẫn chất lượng. Với vai trò trung gian của nền kinh tế, các tổ chức tín dụng và đặc biệt là ngân hàng thương mại đã không ngừng nâng cao tiềm lực tài chính, mở rộng các dịch vụ ngân hàng hiện đại, phát triển dựa theo các chuẩn mực của ngân hàng quốc tế. Tuy vậy, bên cạnh những thành công đạt được thì sự gia tăng của nợ xấu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và sự ổn định lâu dài của hệ thống tín dụng.

• Từ khóa: tổ chức tín dụng, nợ xấu, ngân hàng thương mại...

Over the years, Vietnamese credit institutions have grown strongly in terms of both size and quality. With the role of intermediaries in the economy, credit institutions and especially commercial banks have constantly improved their financial potential, expanded modern banking services, developed according to international standards of international banks. However, besides the achieved successes, the increasing in NPLs due to the impact of the Covid-19 pandemic has been affecting business results and the long-term stability of the credit system.

• Keywords: credit institutions, bad debt, commercial banks...

Ngày nhận bài: 05/02/2022

Ngày gửi phản biện: 08/02/2022

Ngày nhận kết quả phản biện: 15/02/2022

Ngày chấp nhận đăng: 20/3/2022

Nợ xấu là gì?

Nợ xấu được hiểu khoản nợ khó đòi, bao gồm các khoản lỗ thực tế hoặc ước tính phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng không có khả năng thu hồi và các khoản nợ khác, mọi chi phí liên quan trực tiếp như chi phí thu tiền và chi phí pháp lý là không thể chấp nhận được. Nói cách khác, nợ xấu là các khoản nợ không có khả năng thu hồi và xảy ra sau khi tất cả các nỗ lực được thực hiện để đòi nợ. Nợ khó đòi thường là sản phẩm của việc con nợ sắp phá sản hoặc khi chi phí bổ sung để theo đuổi khoản nợ lớn hơn số tiền mà chủ nợ có

thể thu được. Tại các ngân hàng của Mỹ quy định, các khoản vay sau 90 ngày trở lên sẽ được đánh giá là “báo động”.

Tại Việt Nam, nợ xấu được phân loại căn cứ tại Điều 10 Thông tư 11/2021/TT-NHNN, các tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ theo 05 nhóm bao gồm: Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn), Nhóm 2 (Nợ cần chú ý), Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn); Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) và Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn).

Bảng 1: Phân loại nợ xấu

	Tên nhóm nợ	Thời gian quá hạn	Thời gian xem xét cho vay
Nhóm 1	Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn	Dưới 10 ngày	Cho vay ngay
Nhóm 2	Nhóm nợ cần chú ý	Từ 10 ngày tới dưới 30 ngày	Sau 12 tháng
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	Từ 30 tới dưới 90 ngày	sau 5 năm
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ bị mất vốn	Từ 90 ngày dưới 180 ngày	sau 5 năm
Nhóm 5	Nhóm nợ có khả năng mất vốn	Nợ từ 180 ngày trở lên	sau 5 năm

Theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN

Trong đó, nợ xấu nội bảng được xét là nhóm nợ 3,4 và 5 và các tổ chức tín dụng phải trích lập dự phòng lần lượt 20%; 50% và 100% để đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

* Bộ Công Thương

Thực trạng và tác động của nợ xấu

Tính đến thời điểm năm 2021, hệ thống tài chính của Việt Nam phát triển với 7 ngân hàng thương mại Nhà nước; 41 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân; các ngân hàng hợp tác xã; 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và ngân hàng liên doanh; công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, trên 1.182 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở,... Các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện nay đã không chỉ còn tập trung vào chức năng truyền thống là huy động tiền gửi và cho vay mà còn tập trung cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và các nguyên nhân nội tại của các tổ chức tín dụng, nợ xấu tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng của Việt Nam gia tăng cả về qui mô lẫn mức độ nợ xấu. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới nguồn lực và kết quả kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Bảng 2: Qui mô và tỷ lệ nợ xấu tại một số ngân hàng thương mại Việt Nam

STT	Ngân hàng	Số dư nợ xấu (Tỷ đồng)			Tỷ lệ nợ xấu	
		31/12/2021	31/12/2020	% thay đổi	31/12/2021	31/12/2020
1	VPBank	15,887	9,924	60%	4,47%	3,41%
2	VietinBank	14,300	9,597	49%	1,26%	0,95%
3	BIDV	13,245	21,369	-38%	0,98%	1,76%
4	Vietcombank	6,121	5,230	17%	0,64%	0,62%
5	Sacombank	5,721	5,780	-1%	1,47%	1,70%
6	VIB	4,670	2,957	58%	2,32%	1,74%
7	HDBank	3,360	2,357	43%	1,65%	1,32%
8	MB	3,268	3,248	1%	0,90%	1,09%
9	SHB	2,915	5,599	-48%	0,80%	1,83%
10	ACB	2,799	1,840	52%	0,77%	0,59%
11	LienViet PostBank	2,775	2,527	10%	1,33%	1,43%
12	Techcombank	2,294	1,295	77%	0,66%	0,47%
13	Eximbank	2,247	2,534	-11%	1,96%	2,52%
14	SeABank	2,105	2,022	4%	1,65%	1,86%
15	MSB	1,769	1,558	14%	1,74%	1,96%
16	Nam A Bank	1,613	744	117%	1,57%	0,83%
17	ABBank	1,423	1,324	7%	2,06%	2,09%
18	OCB	1,350	1,508	-11%	1,32%	1,69%
19	NCB	1,249	609	105%	3,00%	1,51%
20	Bản Việt	1,176	1,111	6%	2,53%	2,79%
21	TPBank	1,157	1,420	-19%	0,82%	1,18%
22	VietABank	1,012	1,112	-9%	1,86%	2,30%
23	Kienlongbank	726	1,883	-61%	1,89%	5,42%
24	Bac A Bank	655	628	4%	0,77%	0,79%

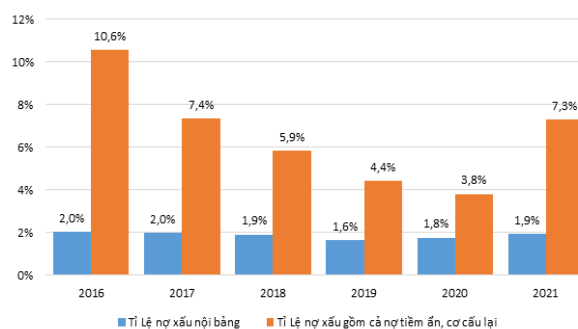
STT	Ngân hàng	Số dư nợ xấu (Tỷ đồng)			Tỷ lệ nợ xấu	
		31/12/2021	31/12/2020	% thay đổi	31/12/2021	31/12/2020
25	PG Bank	617	626	-1%	2,24%	2,44%
26	Saigonbank	325	223	46%	1,97%	1,44%
Tổng		94,799	89,027	6%		

Nguồn: Tổng hợp từ các ngân hàng thương mại

Có thể thấy, trong năm 2021 qui mô nợ xấu tại các ngân hàng Thương mại Việt Nam đã gia tăng mạnh mẽ. Tại 26 ngân hàng thương mại khảo sát, qui mô nợ xấu tăng bình quân 6% với giá trị 5.752 tỷ đồng (thời điểm cuối năm 2021 tổng nợ xấu là 94.779 tỷ đồng). Tại một số ngân hàng thương mại, giá trị nợ xấu gia tăng đột biến như VPbank tăng 60% so với năm trước (giá trị nợ xấu 15.887 tỷ đồng) làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng từ 3,41% lên 4,47%; Nam A Bank nợ xấu tăng 117% hay NCB tăng 105% giá trị nợ xấu trong năm 2021.

Ngay cả những tổ chức tín dụng được đánh giá có chất lượng tài sản khỏe mạnh như ACB và Techcombank thì nợ xấu trong thời gian qua cũng gia tăng đáng kể. Tại ACB, tính đến cuối năm 2021, nợ xấu của ngân hàng tăng 52,1% so với năm 2020 lên mức 2.799 tỷ đồng. Trong khi Techcombank ghi nhận nợ xấu tăng đến 77%, lên 2.294 tỷ đồng. Nợ tái cơ cấu theo chương trình hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi COVID-19 là 1.900 tỷ đồng, tương đương 0,5% tổng dư nợ.

Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành ngân hàng qua các năm



Trên thực tế, nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng cao hơn nhiều con số báo cáo do nhiều khoản nợ xấu được cơ cấu lại theo quy định chưa được phân loại, phản ánh đầy đủ trong nợ xấu; các tổ chức tín dụng chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về phân loại nợ để hạn chế tác động đến báo cáo tài chính, gây ra tình trạng không phản ánh chính xác kết quả kinh doanh, thậm chí có thể dẫn đến lãi giả lỗ thật do chưa trích lập đầy đủ dự phòng vào chi phí.

Nguyên nhân của nợ xấu trong thời gian qua

Một là, trong những năm trở lại đây, thế giới đã chứng kiến hàng loạt sự bất ổn trong nền kinh tế thế giới, cũng như những thay đổi trong chính sách kinh tế, thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó diễn biến hết sức phức tạp và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực, cũng như gây xáo trộn hoạt động sản xuất-kinh doanh. Một thời gian dài, chính phủ thực hiện cách ly xã hội tại các trung tâm kinh tế để đối phó với dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động của doanh nghiệp và thu nhập của người dân. Chính điều này đã làm gia tăng nợ xấu trong năm 2021.

Hai là, năng lực tài chính, kinh doanh của khách hàng còn hạn chế. Dư nợ tại các tổ chức tín dụng tập trung nhiều vào các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhóm đối tượng này còn hạn chế trong quản lý và sử dụng vốn vay từ đó dẫn đến thất thoát, gây thua lỗ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thậm chí dẫn đến dừng hoạt động, phá sản điều này ảnh hưởng nghiêm trọng tới khả năng trả nợ và gia tăng nợ xấu trong nền kinh tế.

Ba là, thị trường mua bán nợ tại Việt Nam chưa phát triển, các chủ thể tham gia thị trường còn ít. Số lượng nợ xấu của Việt Nam ngày càng gia tăng tuy nhiên số lượng các công ty mua bán nợ không nhiều và tăng trưởng ở mức độ thấp. Ngoài ra, thị trường tín dụng thiếu các bên trung gian có độ uy tín cao để đánh giá cũng như thẩm định khách hàng. Chỉ một số doanh nghiệp lớn trong nền kinh tế được đánh giá xếp hạng từ các tổ chức quốc tế còn lại đa số thông tin liên quan tới các doanh nghiệp Việt Nam còn chưa nhiều, điều này ảnh hưởng tới việc tiếp cận và ra quyết định cho vay của tổ chức tín dụng còn khó khăn.

Bốn là, năng lực của nhiều tổ chức tín dụng Việt Nam còn hạn chế. Nhiều tổ chức tín dụng gia tăng nợ xấu do quản trị rủi ro kém (đánh giá tín dụng, mức độ rủi ro khoản vay và thiếu các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro,...); rủi ro đạo đức của cán bộ tín dụng; cho vay người có liên quan; lợi ích nhóm, khách hàng lớn quá mức giới hạn; chiến lược kinh doanh, đầu tư của tổ chức tín dụng chưa phù hợp, đầu tư vào những lĩnh vực, kênh đầu tư có mức rủi ro cao.

Một số giải pháp và kiến nghị

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tại các tổ chức tín dụng. Các quy định về phân loại và trích lập dự phòng phù hợp với thông

lệ và quy định của quốc tế để các tổ chức tín dụng của Việt Nam sớm tiếp cận với thị trường tài chính quốc tế.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về quản lý tín dụng theo hướng hạn chế mức độ tập trung tín dụng; giới hạn cho vay vào lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro (kinh doanh chứng khoán, bất động sản,...). Chính sách tín dụng của chính phủ đặc biệt là định hướng cho vay của ngân hàng nhà nước tùy từng thời kỳ cần bắt nhịp và phù hợp với sự biến động của thị trường đồng thời có khả năng cảnh báo và hạn chế rủi ro cho các tổ chức tín dụng.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng của các ngân hàng đồng thời nâng cao năng lực, trình độ và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng. Chỉ có tự tổ chức tín dụng nâng cao sức mạnh nội tại của mình, áp dụng các quy định mới, quy trình tiên tiến về thẩm định khách hàng mới có thể nâng cao chất lượng cho vay.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với hoạt động tín dụng để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về cấp tín dụng, quy định phân loại nợ, trích lập và sử dụng rủi ro. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng thương mại cần được đẩy mạnh trong thời gian tới. Đặc biệt khi sản xuất kinh doanh được khôi phục, nhu cầu vốn tín dụng tăng cao sẽ tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh nợ xấu. Do đó, công tác thanh tra giám sát phải kịp thời để đảm bảo chất lượng nợ cho các tổ chức tín dụng.

Lịch sử cho thấy, nợ xấu không chỉ là rủi ro của các ngân hàng thương mại mà còn là các cục máu đông của nền kinh tế. Nợ xấu không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của các ngân hàng và tổ chức tín dụng mà nó còn làm tắc nghẽn dòng tiền lưu thông Trong trường hợp nợ xấu quá cao, buộc ngân hàng nhà nước phải thực hiện các giải pháp đặc biệt như mua ngân hàng 0 đồng tại Oceanbank; CBbank và GPbank gây tổn kém cho ngân sách nhà nước và nhiều hệ lụy kinh tế khác. Chính vì vậy, giải quyết bài toán nợ xấu của các tổ chức tín dụng cần song hành với các chính sách hỗ trợ và phát triển kinh tế để nền kinh tế có thể tăng trưởng thực sự bền vững.

Tài liệu tham khảo:

Abrams, R. K., & Taylor, M. (2000), *Issues in the unification of financial sector supervision*, *International Monetary Fund*, số 213.

Ngân hàng nhà nước (2011), *Thông tư số 11/2021/TT-NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD)*, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.